

THUYẾT MINH NỘI DUNG DỰ THẢO THÔNG TƯ
Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí hải quan và lệ
phí hàng hóa, phương tiện vận tải quá cảnh
(Kèm theo công văn số 7603/BTC-CST ngày 02/6/2025 của Bộ Tài chính)

Bộ Tài chính nhận được công văn số 3346/BTC-CHQ ngày 19/3/2025 của Bộ Tài chính (Cục Hải quan (CHQ)) về Đề án thu phí hải quan và lệ phí hàng hóa, phương tiện vận tải quá cảnh (Đề án).

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH THÔNG TƯ

Căn cứ quy định tại Luật Phí và lệ phí, Luật Quản lý thuế, Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế, Nghị định số 64/2020/NĐ-CP ngày 10/6/2020 của Chính phủ hướng dẫn việc thực hiện cơ chế tạm quản theo Công ước Istanbul, Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan và Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 14/2021/TT-BTC ngày 18/02/2021 về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí hải quan và lệ phí hàng hóa, phương tiện vận tải quá cảnh (sau đây gọi tắt là Thông tư 14).

Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện Thông tư 14 đã phát sinh một số vướng mắc như:

1. Theo quy định tại Thông tư 14 thì cơ quan thu phí hải quan, lệ phí hàng hóa, phương tiện vận tải quá cảnh là cơ quan hải quan nơi làm thủ tục hải quan. Theo đó, khoản phí hải quan được để lại chỉ được chi cho cơ quan hải quan trực tiếp thu phí (cơ quan hải quan địa phương), không để lại chi cho CHQ (trước ngày 01/3/2025 là Tổng cục Hải quan (TCHQ)).

Trong khi đó, việc khai, tiếp nhận, xử lý thông tin khai hải quan thực hiện thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan (99,99% tờ khai đều được thực hiện thông qua hệ thống điện tử). Tuy nhiên, các hệ thống nghiệp vụ đã được xây dựng trên 10 năm, đến nay đã bộc lộ nhiều hạn chế, lưu lượng hàng hóa và tốc độ tăng trưởng kinh tế đã vượt ngưỡng thiết kế của hệ thống. Đặc biệt là sự phát triển của thương mại điện tử dẫn đến lượng tờ khai tăng nhanh, làm ách tắc hệ thống thông quan tự động. Hệ thống này do CHQ quản lý, cho phép cơ quan hải quan địa phương thực hiện thủ tục hải quan điện tử. Từ nay đến năm 2030, nhu cầu kinh phí cần chuẩn bị cho Hệ thống này là 16.038 tỷ đồng (2.673 tỷ đồng/năm). Do đó, cần sửa đổi quy định về tổ chức thu phí cho phù hợp.

2. Về miễn thu phí hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có trị giá nhỏ đã không còn phù hợp với xu hướng phát triển của thương mại điện tử.

3. Theo Thông báo số 412/TB-KTNN ngày 14/12/2020 của Kiểm toán nhà nước (KTNN) Thông báo kết quả kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài sản công năm 2019 đối với TCHQ thì KTNN kiến nghị TCHQ chấn chỉnh “*Điều tiết trong năm số thu phí hải quan được để lại cho các đơn vị không trực tiếp thực hiện thu phí hải quan (mà không chi phục vụ cho hoạt động thu phí), các đơn vị có số thu phí thấp; chưa quy định cụ thể nội dung, định mức chi cho hoạt động thu phí, chưa tách riêng các khoản chi phí phục vụ công tác thu phí và chi hoạt động thường xuyên*”.

Từ các nội dung nêu trên, thực hiện kiến nghị của KTNN và phù hợp với thực tiễn quản lý của cơ quan hải quan thì việc xây dựng và ban hành Thông tư sửa đổi Thông tư 14 là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG THÔNG TƯ

- Việc ban hành Thông tư sửa đổi Thông tư 14 bảo đảm đồng bộ, thống nhất với pháp luật về hải quan, pháp luật về phí, lệ phí.

- Nội dung Thông tư đảm bảo đơn giản, rõ ràng, dễ hiểu, dễ thực hiện.

- Kế thừa quy định hiện hành đang thực hiện hiệu quả, còn phù hợp, đảm bảo khả thi trong thực hiện.

III. CÁC NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO THÔNG TƯ

1. Về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1.1. Quy định tại Thông tư 14

Tại Điều 1 Thông tư 14 quy định về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng như sau:

- Phạm vi điều chỉnh: *Thông tư này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí hải quan và lệ phí hàng hóa, phương tiện vận tải quá cảnh.*

- Đối tượng áp dụng: *Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nộp phí hải quan và lệ phí hàng hóa, phương tiện vận tải quá cảnh; tổ chức thu phí hải quan và lệ phí hàng hóa, phương tiện vận tải quá cảnh; tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến thu, nộp, quản lý và sử dụng phí hải quan và lệ phí hàng hóa, phương tiện vận tải quá cảnh.*

1.2. Ý kiến Bộ Tài chính

Trong quá trình triển khai thực hiện Thông tư 14 chưa ghi nhận vướng mắc về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng, Cục QLGCST trình Bộ giữ nguyên quy định về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng tại Điều 1 dự thảo Thông tư.

2. Về người nộp và tổ chức thu phí, lệ phí

2.1. Về người nộp phí, lệ phí

2.1.1. Quy định tại Thông tư 14

Tại khoản 1 Điều 2 Thông tư 14 quy định người nộp phí hải quan quy định tại Thông tư này gồm: (i) *Tổ chức, cá nhân thực hiện khai và nộp tờ khai*

hải quan hoặc chứng từ thay thế tờ khai hải quan (sau đây gọi là tờ khai) đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh;
 (ii) *Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp sổ tạm quản (sổ ATA) đối với hàng hóa tạm xuất tái nhập theo Nghị định số 64/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn việc thực hiện cơ chế tạm quản theo Công ước Istanbul;*
 (iii) *Chủ thể quyền sở hữu trí tuệ đã được bảo hộ hoặc người được ủy quyền hợp pháp nộp đơn đề nghị cơ quan hải quan kiểm tra, giám sát, tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có dấu hiệu xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ và pháp luật về hải quan.*

2.1.2. Đề xuất của CHQ

Tại công văn số 6135/TCHQ-TXNK, CHQ đề xuất: “1. Người nộp phí, lệ phí:

a) Người nộp phí hải quan quy định tại Thông tư này gồm:

*- Tổ chức, cá nhân thực hiện khai và nộp tờ khai hải quan, **tờ khai vận chuyển độc lập**¹ hoặc chứng từ thay thế tờ khai ~~hải quan~~ (sau đây gọi là tờ khai) đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh.*

- Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp sổ tạm quản (sổ ATA) đối với hàng hóa tạm xuất tái nhập theo Nghị định số 64/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn việc thực hiện cơ chế tạm quản theo Công ước Istanbul.

*- Chủ thể quyền sở hữu trí tuệ đã được bảo hộ hoặc người được ủy quyền hợp pháp nộp Đơn đề nghị cơ quan **có thẩm quyền hải quan** kiểm tra, giám sát **hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; Đơn đề nghị gia hạn thời hạn áp dụng biện pháp kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; Đơn đề nghị tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có dấu hiệu xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ và pháp luật về hải quan.***

- Tổ chức, cá nhân nước ngoài có chuyến bay đến các Cảng hàng không Việt Nam thực hiện theo quy định tại Thông tư số 194/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp phí hải quan và lệ phí ra, vào cảng hàng không, sân bay đối với chuyến bay của nước ngoài đến các Cảng hàng không Việt Nam”.

Tại công văn số 100/TCHQ-TXNK ngày 07/01/2025, CHQ có ý kiến:

- Tờ khai vận chuyển độc lập khai báo để cơ quan hải quan cấp phép vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu và các loại hàng hóa khác đang chịu sự giám sát hải quan, được phép vận chuyển giữa hai địa điểm lưu giữ hàng hóa. Hay nói đơn giản là tờ khai vận chuyển có chức năng tương tự như đơn xin chuyển của

¹ Nội dung TCHQ đề nghị sửa đổi.

khẩu. Đồng thời, theo Điều 3 Luật Phí và lệ phí quy định lệ phí là khoản tiền được ấn định mà tổ chức, cá nhân phải nộp khi được cơ quan nhà nước cung cấp dịch vụ công, phục vụ công việc quản lý nhà nước được quy định trong Danh mục lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí. Căn cứ các nội dung nêu trên, việc cơ quan hải quan cấp phép cho hàng hóa xuất nhập khẩu được phép vận chuyển giữa hai địa điểm lưu giữ hàng hóa là khoản lệ phí chính đáng được công nhận theo quy định.

- Hiện nay, hàng hóa quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam và hàng hóa trung chuyển giữa các cảng biển cùng phải khai báo tờ khai vận chuyển độc lập; ngoài ra, một số trường hợp hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu vận chuyển chịu sự giám sát hải quan có sử dụng tờ khai vận chuyển độc lập. Tuy nhiên, quy định hiện hành chỉ áp dụng thu lệ phí hải quan đối với hàng hóa quá cảnh là chưa phù hợp, tạo sự bất bình đẳng giữa các loại hình. Vì vậy, cần thu phí để bù đắp các chi phí tương tự như tờ khai xuất khẩu, nhập khẩu thông thường. Ngoài ra, còn bù đắp cho việc phải thực hiện giám sát hàng hóa.

2.1.3. Ý kiến Bộ Tài chính

(1) Về thu phí đối với tờ khai vận chuyển độc lập

- Theo quy định tại Điều 64 Luật Hải quan thì: *Hàng hóa vận chuyển chịu sự giám sát hải quan bao gồm hàng hóa quá cảnh và hàng hóa chuyển cửa khẩu; khi vận chuyển hàng hóa chịu sự giám sát hải quan, người khai hải quan phải khai tờ khai vận chuyển hàng hóa.*

- Tại khoản 1 Điều 50 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 28 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu) quy định hàng hóa vận chuyển chịu sự giám sát hải quan thực hiện thủ tục hải quan theo hình thức vận chuyển độc lập gồm: *Hàng hóa quá cảnh trừ trường hợp hàng hóa quá cảnh qua đường hàng không quốc tế được đưa vào Việt Nam và đưa ra nước ngoài tại cùng một cảng hàng không quốc tế; Hàng hóa trung chuyển trừ trường hợp hàng hóa trung chuyển từ nước ngoài đưa vào bến cảng trung chuyển và được đưa ra nước ngoài tại chính bến cảng trung chuyển này; Hàng hóa chuyển cửa khẩu².*

² Tại khoản 28 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC quy định: “c) Hàng hóa chuyển cửa khẩu

c.1) Hàng hóa xuất khẩu:

c.1.1) Hàng hóa xuất khẩu đã thông quan hoặc giải phóng hàng vận chuyển từ địa điểm thu gom hàng lẻ (sau đây gọi tắt là kho CFS), cảng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa được thành lập trong nội địa (sau đây gọi tắt là cảng cạn), kho ngoại quan, kho hàng không kéo dài, địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát với hàng chuyển phát nhanh, địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu

Theo quy định tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC, Thông tư số 39/2018/TT-BTC thì hàng hóa xuất khẩu chuyển cửa khẩu đều là hàng hóa làm xong thủ tục mở tờ khai hải quan đối với hàng xuất khẩu, việc mở tờ khai vận chuyển độc lập nhằm phục vụ yêu cầu quản lý của cơ quan hải quan.

Tuy nhiên, theo Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí quy định phí hải quan; lệ phí hàng hóa, phương tiện vận tải quá cảnh; không quy định lệ phí hàng hóa, phương tiện vận tải chuyển cửa khẩu. Do đó không có cơ sở để bổ sung khoản thu này.

Vì vậy, Bộ Tài chính không quy định thu phí đối với tờ khai vận chuyển độc lập tại dự thảo Thông tư.

(2) Về thu phí kiểm tra, giám sát, tạm dừng làm thủ tục hải quan khi có dấu hiệu xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ

Tại điểm c khoản 1 Điều 1 Thông tư số 13/2020/TT-BTC ngày 06/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2015/TT-BTC quy định: “7. Đơn đề nghị bao gồm: Đơn đề nghị kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; Đơn đề nghị gia hạn thời hạn áp dụng biện pháp kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và Đơn đề nghị tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa bị nghi ngờ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.”

Do đó, việc bổ sung thêm Đơn đề nghị gia hạn để làm rõ nghĩa và phù hợp với quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 13/2020/TT-BTC.

(3) Về chuyển bay đến các Cảng hàng không Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 194/2016/TT-BTC

Phí hải quan đối với chuyển bay của nước ngoài đến các Cảng hàng không Việt Nam thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư số 194/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp phí hải quan và lệ phí ra, vào cảng hàng không, sân bay đối với chuyển bay của nước ngoài đến các Cảng hàng không Việt Nam và do các Cảng vụ hàng không Việt Nam thu phí; không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư 14.

Vì vậy, Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung quy định người nộp phí, lệ phí tại khoản 1 Điều 2 dự thảo Thông tư như sau:

chính đến cửa khẩu xuất; hàng hóa xuất khẩu thực hiện thủ tục hải quan vận chuyển độc lập đã xác nhận vận chuyển đến đích sau đó thay đổi cửa khẩu xuất;

c.1.2) Hàng hóa xuất khẩu đã thông quan hoặc giải phóng hàng vận chuyển từ kho CFS, kho ngoại quan đến cảng cạn, từ kho ngoại quan đến địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng chuyển phát nhanh, địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính.

c.2) Hàng hóa nhập khẩu vận chuyển từ cửa khẩu nhập đến cảng đích ghi trên vận đơn, kho hàng không kéo dài, kho CFS, địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tập trung tại cửa khẩu nhập, địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng chuyển phát nhanh, địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính hoặc đến cửa khẩu khác (bao gồm cả trường hợp hàng hóa nhập khẩu của nhiều chủ hàng trên cùng phương tiện vận chuyển, vận chuyển từ cửa khẩu nhập đến nhiều cảng đích ghi trên vận đơn).”

“1. Người nộp phí, lệ phí³:

a) Người nộp phí hải quan quy định tại Thông tư này gồm:

- Tổ chức, cá nhân thực hiện khai và nộp tờ khai hải quan hoặc chứng từ thay thế tờ khai hải quan (sau đây gọi là tờ khai) đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh.

- Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp sổ tạm quản (sổ ATA) đối với hàng hóa tạm xuất tái nhập theo Nghị định số 64/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn việc thực hiện cơ chế tạm quản theo Công ước Istanbul.

- Chủ thể quyền sở hữu trí tuệ đã được bảo hộ hoặc người được ủy quyền hợp pháp **khi nộp: Đơn đề nghị cơ quan hải quan kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ⁴; Đơn đề nghị gia hạn thời hạn áp dụng biện pháp kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; Đơn đề nghị tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có dấu hiệu xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ và pháp luật về hải quan.**”

Đồng thời, sửa đổi quy định về kê khai, nộp phí, lệ phí của người nộp phí tại khoản 1 Điều 5 dự thảo Thông tư để đảm bảo thống nhất với quy định về người nộp phí, lệ phí tại khoản 1 Điều 2 dự thảo Thông tư.

2.2. Về tổ chức thu phí, lệ phí

2.2.1. Quy định tại Thông tư 14

Tại khoản 2 Điều 2 Thông tư 14 quy định tổ chức thu phí, lệ phí gồm: *Tổ chức thu phí hải quan và lệ phí hàng hóa, phương tiện vận tải quá cảnh (gồm: cơ quan hải quan nơi đăng ký tờ khai đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; cơ quan hải quan nơi làm thủ tục đối với phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; cơ quan hải quan nơi tiếp nhận đơn đề nghị kiểm tra, giám sát, tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có dấu hiệu xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ); Tổ chức được cơ quan hải quan ủy nhiệm thu phí, lệ phí (bao gồm cả Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam thu phí hải quan đối với cấp sổ ATA).*

2.2.2. Đề xuất của CHQ

Tại Đề án, CHQ đề xuất tổ chức thu phí, lệ phí là cơ quan hải quan theo quy định Luật Hải quan có trách nhiệm tổ chức thu tổ chức thu phí hải quan và lệ phí hàng hóa, phương tiện vận tải quá cảnh.

2.2.3. Ý kiến Bộ Tài chính

- Tại Điều 7 Luật Phí và lệ phí quy định: “*Tổ chức thu phí, lệ phí bao gồm cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan nhà*

³ Chữ nghiêng: Nội dung kế thừa Thông tư 14.

⁴ Chữ in đậm: Nội dung dự kiến sửa đổi.

nước có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công, phục vụ công việc quản lý nhà nước được thu phí, lệ phí theo quy định của Luật này.”

- Tại Điều 12 Luật Hải quan quy định nhiệm vụ của Hải quan: “*Hải quan Việt Nam có nhiệm vụ thực hiện kiểm tra, giám sát hàng hóa, phương tiện vận tải...*”

- Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hải quan quy định hệ thống tổ chức của Hải quan Việt Nam gồm: *Tổng cục Hải quan; Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Chi cục Hải quan, Đội Kiểm soát Hải quan và đơn vị tương đương.*

- Tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 13/2020/TT-BTC quy định: “*Trường hợp Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan chưa đáp ứng hoặc bị lỗi, người nộp Đơn đề nghị nộp 01 bộ hồ sơ giấy gồm các chứng từ quy định tại Điều này tại bộ phận Một cửa của Tổng cục Hải quan hoặc gửi qua bưu điện tới Tổng cục Hải quan (Cục Giám sát quản lý về hải quan).*”

Hiện nay, các Thông tư sửa tổ chức thu phí theo hướng không đề cập đến tên cụ thể tổ chức thu phí, lệ phí mà viện dẫn theo quy định của pháp luật chuyên ngành để đảm bảo tính ổn định của VBQPPL, tránh trường hợp khi có văn bản quy định thay đổi tên tổ chức thu phí, lệ phí lại phải sửa Thông tư.

Vì vậy, căn cứ quy định nêu trên và đề xuất của CHQ, Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung quy định tổ chức thu phí, lệ phí tại khoản 2 Điều 2 dự thảo Thông tư như sau:

“2. Tổ chức thu phí, lệ phí:

a) **Cơ quan hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan là tổ chức thu phí hải quan và lệ phí hàng hóa, phương tiện vận tải quá cảnh.** ⁵: ~~Cơ quan hải quan nơi đăng ký tờ khai đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; cơ quan hải quan nơi làm thủ tục đối với phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; cơ quan hải quan nơi tiếp nhận đơn đề nghị kiểm tra, giám sát, tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có dấu hiệu xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.~~

b) Tổ chức được cơ quan hải quan ủy nhiệm thu phí hải quan và lệ phí hàng hóa, phương tiện vận tải quá cảnh (bao gồm cả **Phòng Liên đoàn** Thương mại và Công nghiệp Việt Nam thu phí hải quan đối với cấp số ATA). ”

Đồng thời, sửa đổi quy định tại khoản 2 Điều 5, Điều 7, Điều 8 dự thảo Thông tư để đảm bảo thống nhất với quy định về tổ chức thu phí, lệ phí.

3. Về các đối tượng được miễn thu phí, lệ phí

3.1. Quy định tại Thông tư 14

Tại Điều 3 Thông tư 14 quy định: *Miễn thu phí hải quan và lệ phí hàng hóa, phương tiện vận tải quá cảnh đối với tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hải quan xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh*

⁵ Chữ thường gạch ngang: Nội dung dự kiến bỏ.

phương tiện vận tải trong một số trường hợp, trong đó có: Hàng bưu phẩm, bưu kiện được miễn thuế xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định của pháp luật hiện hành (khoản 1); Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh có trị giá từ 1.000.000 đồng Việt Nam trở xuống hoặc có số tiền thuế (các khoản thuế theo quy định) phải nộp dưới 100.000 đồng Việt Nam (khoản 2); Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có trị giá hải quan dưới 500.000 đồng Việt Nam hoặc có tổng số tiền thuế (các khoản thuế theo quy định) phải nộp dưới 50.000 đồng Việt Nam cho một lần xuất khẩu, nhập khẩu (khoản 3); Phương tiện vận tải thường xuyên qua lại biên giới được quản lý theo phương thức mở sổ theo dõi, không quản lý bằng tờ khai (khoản 5).

3.2. Đề xuất của CHQ

Theo ý kiến của CHQ tại công văn số 6135/TCHQ-TXNK thì việc miễn phí hải quan đối với các tờ khai trị giá thấp đã không còn phù hợp với thực tiễn do cơ quan hải quan vẫn phải thực hiện các thủ tục hải quan nên cần thu phí để bù đắp lại các chi phí của cơ quan hải quan trong việc thực hiện thủ tục hải quan.

3.3. Ý kiến Bộ Tài chính

Tại Điều 8 Luật Phí và lệ phí quy định nguyên tắc xác định mức thu phí: “Mức thu phí được xác định cơ bản bảo đảm bù đắp chi phí, có tính đến chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước trong từng thời kỳ, bảo đảm công bằng, công khai, minh bạch và bình đẳng về quyền và nghĩa vụ của công dân.”

Trên cơ sở đề xuất của CHQ tại công văn số 6135/TCHQ-TXNK, để đảm bảo phù hợp với xu hướng phát triển thương mại điện tử và quy định nêu trên, Bộ Tài chính sửa đổi các đối tượng được miễn thu phí, lệ phí tại Điều 3 dự thảo Thông tư như sau:

“Điều 3. Các đối tượng được miễn thu phí, lệ phí

Miễn thu phí hải quan và lệ phí hàng hóa, phương tiện vận tải quá cảnh đối với tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hải quan xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh phương tiện vận tải trong các trường hợp sau:

1. Hàng viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại;... ~~hàng bưu phẩm, bưu kiện được miễn thuế xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định của pháp luật hiện hành.~~

2. ~~Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh có trị giá từ 1.000.000 đồng Việt Nam trở xuống hoặc có số tiền thuế (các khoản thuế theo quy định) phải nộp dưới 100.000 đồng Việt Nam.~~

3. ~~Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có trị giá hải quan dưới 500.000 đồng Việt Nam hoặc có tổng số tiền thuế (các khoản thuế theo quy định) phải nộp dưới 50.000 đồng Việt Nam cho một lần xuất khẩu, nhập khẩu.~~

2. 4. Hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới trong định mức theo quy định.

3. 5. Phương tiện vận tải thường xuyên qua lại biên giới của cư dân biên giới được quản lý theo phương thức mở sổ theo dõi, không quản lý bằng tờ khai.

4. 6. Hàng hóa, phương tiện vận tải quá cảnh, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh được miễn phí, lệ phí theo quy định tại các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên hoặc cam kết của Chính phủ Việt Nam.”

4. Về mức thu phí

4.1. Quy định tại Thông tư 14

Tại Biểu mức thu phí hải quan và lệ phí hàng hóa, phương tiện vận tải quá cảnh ban hành kèm theo Thông tư 14 quy định: *Phí hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh là 20.000 đồng/tờ khai; Phí hải quan kiểm tra, giám sát, tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có dấu hiệu xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ là 200.000 đồng/đơn.*

4.2. Đề xuất của CHQ

- Tại Đề án, CHQ đề xuất bổ sung mức thu phí hải quan đối với: (i) Tờ khai vận chuyển độc lập là 20.000 đồng/tờ khai; (ii) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh, hàng bưu phẩm, bưu kiện gửi qua bưu chính là 10.000 đồng/tờ khai; (ii) Tách Đơn đề nghị thành 03 loại Đơn đề nghị khác nhau trong đó bổ sung thêm Đơn đề nghị gia hạn kiểm tra, giám sát đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có dấu hiệu xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ là 200.000 đồng/đơn.

Về việc cân nhắc để mức thu 10.000 đồng hay 5.000 đồng đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh, bưu chính, CHQ cho rằng: “*Do trước đây miễn phí hải quan đối với những tờ khai có giá trị nhỏ, dẫn đến người khai hải quan đã chia nhỏ đơn hàng để giảm thuế và giảm phí, từ đó dẫn đến số tờ khai vào hệ thống tăng đột biến, làm tắc nghẽn hệ thống, chậm thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu, ảnh hưởng đến các doanh nghiệp có trị giá hàng và số thuế lớn. Vì vậy nếu tiếp tục thu mức phí thấp (5.000 đồng) sẽ không khắc phục được những hạn chế trong thời gian vừa qua. Vì vậy, TCHQ tiếp tục đề nghị để mức thu là 10.000 đồng/đơn hàng như đề xuất ban đầu*”; “*Hiện nay hàng hóa giao dịch qua thương mại điện tử dưới hình thức chuyển phát nhanh gia tăng có nguy cơ cạnh tranh không lành mạnh với các loại hình khác, ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất trong nước. Phí hải quan với vai trò là một công cụ kỹ thuật phi thuế quan để hạn chế việc xâm nhập hàng giá rẻ kém chất lượng nhằm bảo vệ nền sản xuất trong nước và các doanh nghiệp bán lẻ trong nước*”; “*Đảm bảo sự công bằng với các cá nhân, tổ chức thực hiện thủ tục hải quan khác.*”

- Tại công văn số 100/TCHQ-TXNK ngày 07/01/2025, CHQ bổ sung ý kiến:

+ Đối với hàng hóa trung chuyển: Hàng hóa trung chuyển về bản chất cũng tương tự như hàng hóa quá cảnh là mượn đường qua lãnh thổ Việt Nam để xuất sang nước thứ 3 và không nhập khẩu vào Việt Nam và theo quy định hiện nay và cũng tại dự thảo Thông tư thì lệ phí đối với hàng hóa quá cảnh là 200.000 đồng/tờ khai. Do vậy, CHQ đề xuất mức thu lệ phí đối với hàng hóa trung chuyển vận chuyển giữa các cảng biển tương tự lệ phí thu đối với hàng hóa quá cảnh là 200.000 đồng/tờ khai.

+ Đối với tờ khai vận chuyển độc lập áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu chuyển cửa khẩu áp dụng mức thu lệ phí 20.000 đồng/tờ khai, do:

(i) Theo quy định tại khoản 28 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC thì hàng hóa vận chuyển chịu sự giám sát hải quan có bao gồm hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu chuyển cửa khẩu. Đối với trường hợp hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu chuyển cửa khẩu khai báo tờ khai vận chuyển độc lập thì ngoài tờ khai xuất khẩu, nhập khẩu thì người khai hải quan phải khai báo tờ khai vận chuyển độc lập. Việc khai báo tờ khai vận chuyển độc lập nhằm đảm bảo công tác giám sát hải quan theo quy định và lệ phí thu đối với tờ khai vận chuyển độc lập là 20.000/tờ khai là phù hợp, khác so với lệ phí thu tờ khai xuất khẩu, nhập khẩu.

(ii) Đánh giá tác động đối với đề xuất bổ sung lệ phí hải quan đối với hàng hóa trung chuyển và hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu chuyển cửa khẩu khai báo tờ khai vận chuyển độc lập:

(+) Đối với cơ quan hải quan: Tạo nguồn kinh phí phục vụ chi mua sắm, sửa chữa lớn tài sản, máy móc, thiết bị phục vụ cho công việc, dịch vụ, thu phí; Việc thu mức phí 20.000/tờ khai phù hợp với mức quy định hiện tại áp dụng đối với tờ khai hải quan.

(+) Đối với doanh nghiệp: Tạo ra sự công bằng, cạnh tranh lành mạnh giữa các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ vận chuyển hàng hóa ở tất cả các loại hình hàng hóa bao gồm: quá cảnh, trung chuyển, xuất khẩu, nhập khẩu chuyển cửa khẩu khai báo tờ khai vận chuyển độc lập.

(+) Đối với NSNN: Hiện nay, lượng hàng hóa trung chuyển vận chuyển giữa các cảng biển, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu chuyển cửa khẩu ngày càng tăng, dẫn đến số lượng tờ khai vận chuyển áp dụng đối với loại hình này sẽ tăng theo do vậy, việc áp dụng thu lệ phí hải quan đối với tờ khai vận chuyển loại hình này là phù hợp với mục đích tránh thất thu cho ngân sách nhà nước.

(+) Về TTHC: Không có sự thay đổi về chính sách, do vậy không làm phát sinh TTHC.

4.3. Ý kiến Bộ Tài chính

Như đã trình bày tại điểm 2.1.3 đối với tờ khai vận chuyển độc lập, theo Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí quy định phí hải quan; lệ phí hàng hóa, phương tiện vận tải quá cảnh; không quy định lệ phí hàng hóa, phương tiện vận tải chuyển cửa khẩu. Do đó không có cơ sở để bổ sung khoản thu này.

Theo đó, Bộ Tài chính sửa đổi mức thu phí, lệ phí tại Biểu mức thu phí hải quan và lệ phí hàng hóa, phương tiện vận tải quá cảnh ban hành kèm theo dự thảo Thông tư như sau:

- *Phí hải quan kiểm tra, giám sát, gia hạn kiểm tra, giám sát, tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có dấu hiệu xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ là 200.000 đồng/đơn.*

- **Phí hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh, bưu chính là 10.000 đồng/tờ khai.**

5. Về kê khai, nộp phí, lệ phí của người nộp phí, lệ phí

5.1. Quy định tại Thông tư 14

Tại Điều 5 Thông tư 14 quy định: “1. Người nộp phí, lệ phí thực hiện nộp phí, lệ phí theo quy định tại Thông tư này khi:...

2. Phí, lệ phí nộp bằng tiền mặt hoặc nộp bằng hình thức thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định tại Thông tư số 13/2017/TT-BTC ngày 15/2/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý thu, chi bằng tiền mặt qua hệ thống Kho bạc Nhà nước và Thông tư số 136/2018/TT-BTC ngày 2/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2017/TT-BTC...

3. Trường hợp đăng ký tờ khai nhiều lần trong tháng, người nộp phí, lệ phí đăng ký với tổ chức thu phí, lệ phí thực hiện nộp phí, lệ phí theo tháng.

Căn cứ danh sách các tờ khai phải nộp phí, lệ phí do cơ quan hải quan thông báo. Chậm nhất trong thời gian 10 ngày đầu của tháng tiếp theo, người nộp phí, lệ phí phải nộp phí, lệ phí theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 4 Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước và Thông tư số 184/2015/TT-BTC ngày 17/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thủ tục về kê khai, bảo lãnh tiền thuế, thu nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt, tiền phí, lệ phí, các khoản thu khác, đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh để nộp tiền phí, lệ phí hoặc yêu cầu trích chuyển tiền nộp phí, lệ phí theo quy định.”

5.2. Ý kiến Bộ Tài chính

(1) Về kê khai phí hải quan và lệ phí hàng hóa, phương tiện vận tải quá cảnh

- Tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 82/2023/NĐ-CP ngày 28/11/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí quy định: “*Tổ chức thu phí hải quan, lệ phí hàng hóa, hành lý, phương tiện vận tải quá cảnh, Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thu phí, lệ phí thực hiện kê khai, thu, nộp phí, lệ phí theo quy định tại Nghị định số 126/2020/NĐ-CP.*”

- Tại điểm i khoản 5 Điều 7 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP quy định: “5. *Tổ chức, cá nhân thực hiện khai thuế thay, nộp thuế thay cho người nộp thuế phải có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quy định về khai thuế, nộp thuế như quy định đối với người nộp thuế tại Nghị định này, bao gồm:...*

i) Tổ chức được giao nhiệm vụ tổ chức thu phí, lệ phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí thực hiện khai số tiền phí, lệ phí đã thu được với cơ quan thuế quản lý trực tiếp (trừ phí hải quan; lệ phí hàng hoá, hành lý, phương tiện vận tải quá cảnh). ”

- Tại điểm đ khoản 1 Điều 8 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP quy định: “1. *Các loại thuế, khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu thuộc loại khai theo tháng, bao gồm:...*

đ) Các khoản phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước (trừ phí, lệ phí do cơ quan đại diện nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài thực hiện thu theo quy định tại Điều 12 Nghị định này; phí hải quan; lệ phí hàng hoá, hành lý, phương tiện vận tải quá cảnh). ”

Căn cứ quy định nêu trên, phí hải quan, lệ phí hàng hoá, hành lý, phương tiện vận tải quá cảnh không phải kê khai theo pháp luật về quản lý thuế. Do đó, Bộ Tài chính bỏ từ “kê khai” tại tên Điều 5 để đảm bảo thống nhất và phù hợp với quy định tại Nghị định số 126/2020/NĐ-CP.

(2) Về nộp phí hải quan và lệ phí hàng hóa, phương tiện vận tải quá cảnh

- Tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 11/2020/NĐ-CP quy định: “2. *Cách thức thực hiện:*

a) Nộp ngân sách nhà nước theo phương thức nộp trực tiếp tại trụ sở Kho bạc Nhà nước hoặc cơ quan thu hoặc ngân hàng.

b) Nộp ngân sách nhà nước theo phương thức điện tử.”

Tại khoản 5 Điều 3 Thông tư số 74/2022/TT-BTC ngày 22/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc thu, nộp phí hải quan; lệ phí hàng hóa, phương tiện vận tải quá cảnh thực hiện theo quy định tại Thông tư 14. Tuy nhiên, tại Thông tư 14 chưa quy định cụ thể các hình thức nộp phí hải quan; lệ phí hàng hóa, phương tiện vận tải quá cảnh. Do đó, cần sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư 14 để thống nhất với quy định tại Thông tư số 74/2022/TT-BTC, tạo thuận lợi cho người nộp phí, lệ phí.

Vì vậy, để đảm bảo phù hợp và thống nhất quy định các hình thức nộp phí, lệ phí được quy định tại Thông tư số 13/2017/TT-BTC, Thông tư số 136/2018/TT-BTC, Thông tư số 184/2015/TT-BTC và dự thảo Thông tư quy định về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, Bộ Tài chính sửa đổi Điều 5 dự thảo Thông tư theo hướng:

- Bổ sung mẫu khoản 1: “**Thời điểm nộp phí, lệ phí**”.

- Chuyển trình tự, thủ tục nộp phí, lệ phí quy định tại khoản 3 lên khoản 2, đồng thời, quy định rõ các hình thức nộp phí, lệ phí tại khoản 2.

6. Về quản lý và sử dụng phí

6.1. Quy định tại Thông tư 14

Tại khoản 1 Điều 8 Thông tư 14 quy định: *Cơ quan hải quan được để lại toàn bộ số tiền phí thu được, để trang trải chi phí cho hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí.*

6.2. Đề xuất của CHQ

Tại Đề án, CHQ đề xuất giữ nguyên nội dung cơ quan hải quan được để lại toàn bộ số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí tại Thông tư 14.

6.3. Ý kiến Bộ Tài chính

- Tại Điều VIII Hiệp ước chung về thuế quan và thương mại GATT quy định: *“Mọi khoản phí và khoản thu khác với bất cứ tính chất nào (không phải là thuế xuất khẩu và nhập khẩu cũng như các khoản thuế quy định tại điều III) được các bên ký kết áp dụng nhằm vào hay liên quan tới hàng nhập khẩu hay hàng xuất khẩu sẽ chỉ giới hạn trong chừng mực đủ bù các chi phí cung cấp dịch vụ và không mang tính chất bảo hộ gián tiếp cho sản phẩm nội địa hay là thuế đánh vào xuất nhập khẩu với mục đích thu ngân sách”.*

- Tại khoản 1 Điều 3 Luật Phí và lệ phí quy định: *“Phí là khoản tiền mà tổ chức, cá nhân phải trả nhằm cơ bản bù đắp chi phí và mang tính phục vụ khi được cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công được quy định trong Danh mục phí ban hành kèm theo Luật này.”*

- Tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 82/2023/NĐ-CP quy định: *“trường hợp hết 02 năm kể từ năm được chuyển nguồn, số tiền phí đã được chuyển nguồn không còn nhiệm vụ chi, tổ chức thu phí phải báo cáo Bộ quản lý chuyên ngành, để báo cáo Bộ Tài chính (đối với các khoản phí thuộc thẩm quyền của Bộ Tài chính, Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội)....”*

Như vậy, cả Hiệp ước chung về thuế quan và thương mại GATT và Luật Phí và lệ phí đều quy định phí nhằm bù đắp chi phí, không nhằm mục đích thu ngân sách. Tuy nhiên, Hiệp ước chung về thuế quan và thương mại GATT không hạn chế việc nộp NSNN trong trường hợp phí liên quan đến hàng nhập khẩu, hàng xuất khẩu không sử dụng hết.

Thực tế, theo Bảng tổng hợp số liệu thu phí, lệ phí tại Phụ lục I kèm theo công văn số 6135/TCHQ-TXNK thì từ năm 2021 đến nay đều có số tiền phí nộp NSNN và tỉ trọng tổng số tiền phí nộp NSNN trên tổng số thu phí có xu hướng tăng dần qua các năm (năm 2021 khoảng 23,5%, năm 2022 khoảng 34%, năm 2023 khoảng 41,8%, năm 2024 dự kiến là 50,5%).

Việc quản lý và sử dụng phí thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 82/2023/NĐ-CP, trường hợp hết 02 năm kể từ năm được chuyển nguồn, số tiền phí đã được chuyển nguồn không còn nhiệm vụ chi thì thực hiện nộp NSNN

và đề xuất tỷ lệ để lại phí cho phù hợp sau khi loại bỏ các chi phí đặc thù và gửi Bộ Tài chính để nghiên cứu, xây dựng Thông tư thu phí theo thẩm quyền.

Theo đó, Bộ Tài chính giữ nguyên quy định cơ quan hải quan được để lại **toàn bộ** số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí như tại Thông tư 14, đồng thời, đề nghị CHQ phối hợp với KBNN để nộp số tiền phí còn dư vào NSNN theo đúng quy định tại Nghị định số 82/2023/NĐ-CP.

Đối với việc tổng hợp quyết toán các khoản thu ngân sách; lập dự toán số thu từ phí, lệ phí và nhu cầu chi, tổng hợp chung trong dự toán thu, chi NSNN hàng năm thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Luật Quản lý thuế. Do đó, Bộ Tài chính bỏ những nội dung này tại dự thảo Thông tư.

7. Về hình thức văn bản

Tại công văn số 6135/TCHQ-TXNK, CHQ đề xuất Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư 14. Tuy nhiên, do nội dung được sửa đổi, bổ sung là các nội dung quan trọng và chiếm trên 60% nội dung Thông tư 14 nên Bộ Tài chính ban hành Thông tư thay thế Thông tư 14.

V. VỀ NGUỒN LỰC, TÀI CHÍNH THỰC HIỆN VÀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

a) Dự thảo Thông tư không quy định thủ tục hành chính theo quy định của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính.

b) Làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh thực hiện theo quy định tại Luật Hải quan và các văn bản quy định chi tiết, đây không phải là quy định mới thực hiện. Thu phí, lệ phí là một khâu công việc trong hoạt động làm thủ tục hải quan do cơ quan hải quan cung cấp.

Vì vậy, hoạt động thu phí, lệ phí cơ bản không phát sinh thêm nguồn nhân lực, tài chính thực hiện Thông tư.

VI. VỀ ĐỀ ÁN THU PHÍ

Đề nghị CHQ có thêm ý kiến về đánh giá được vướng mắc cụ thể trong việc chi nguồn phí hải quan để lại (vướng mắc do quy định nào, tại văn bản nào, ai có thẩm quyền giải quyết), dự toán thu phí các năm tiếp theo năm (2025 - 2027); đánh giá tác động việc thu phí hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh, bưu chính.

BỘ TÀI CHÍNH